

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty Cổ phần chứng khoán APG (APG) xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại APG tháng 04/2024 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã CK bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	BVS			BVS
2	C69	C69		
3	GKM			GKM
4	PVS			PVS
5	MBS			MBS
6	NTP			NTP
7	NVB	NVB		
8	IDC			IDC
9	S99			S99
10	AMV	AMV		
11	DTD			DTD
12	HLD			HLD
13	INN			INN
14	LHC			LHC
15	PLC			PLC
16	PMS			PMS
17	PVC			PVC
18	SLS			SLS
19	THD			THD
20	TIG			TIG
21	TNG			TNG
22	TTT			TTT
23	VCS			VCS
24	VGS			VGS
25	SCI			SCI
26	VC3			VC3
27	CAP			CAP
28	DHP			DHP
29	DHT			DHT
30	DXP			DXP
31	LAS			LAS
32	NET			NET
33	PGS			PGS
34	PMC			PMC
35	PSD			PSD
36	PVG			PVG
37	PVI			PVI
38	S55			S55
39	SEB			SEB
40	VNR			VNR



41	ADC			ADC
42	ALT			ALT
43	AME			AME
44	ARM			ARM
45	ATS			ATS
46	BAB			BAB
47	BAX			BAX
48	BBS			BBS
49	BCF			BCF
50	BDB			BDB
51	BED			BED
52	BPC			BPC
53	BSC			BSC
54	BST			BST
55	BTW			BTW
56	CAG			CAG
57	CAN			CAN
58	CDN			CDN
59	CLH			CLH
60	CLM			CLM
61	CPC			CPC
62	CSC			CSC
63	CTB			CTB
64	CTT			CTT
65	D11			D11
66	DAD			DAD
67	DAE			DAE
68	DC2			DC2
69	DIH			DIH
70	DL1			DL1
71	DNC			DNC
72	DNP			DNP
73	DP3			DP3
74	DTK			DTK
75	EID			EID
76	GDW			GDW
77	GIC			GIC
78	GLT			GLT
79	GMX			GMX
80	HAD			HAD
81	HAT			HAT
82	HBS			HBS
83	HCC			HCC
84	HDA	HDA		
85	HHC			HHC
86	HJS			HJS
87	HLC			HLC
88	HTC			HTC
89	HVT			HVT
90	IDV			IDV
91	INC			INC
92	KST			KST
93	L18	L18		
94	LBE			LBE
95	LIG			LIG

96	MBG	MBG		
97	MCC			MCC
98	MCF			MCF
99	MCO			MCO
100	MDC			MDC
101	MEL			MEL
102	MKV			MKV
103	MVB			MVB
104	NAG			NAG
105	NAP			NAP
106	NBC			NBC
107	NBP			NBP
108	NBW			NBW
109	NFC			NFC
110	NTH			NTH
111	ONE			ONE
112	PBP			PBP
113	PCE			PCE
114	PCT			PCT
115	PDB			PDB
116	PGN			PGN
117	PIA			PIA
118	PIC			PIC
119	PMB			PMB
120	PMP			PMP
121	POT			POT
122	PPP			PPP
123	PPS			PPS
124	PPY			PPY
125	PRC			PRC
126	PRE			PRE
127	PSC			PSC
128	PSE			PSE
129	PSI			PSI
130	PSW			PSW
131	PTS			PTS
132	QHD			QHD
133	QST			QST
134	RCL			RCL
135	SAF			SAF
136	SD5			SD5
137	SD9			SD9
138	SDC			SDC
139	SDN			SDN
140	SED			SED
141	SGC			SGC
142	SHE			SHE
143	SHN			SHN
144	SJI			SJI
145	SMN			SMN
146	STC			STC
147	SVN			SVN
148	SZB			SZB
149	TA9			TA9
150	TDN			TDN

151	TDT			TDT
152	TET			TET
153	THS			THS
154	THT			THT
155	TMB			TMB
156	TMC			TMC
157	TPH			TPH
158	TPP			TPP
159	TSB			TSB
160	TTC			TTC
161	TTL			TTL
162	TV4			TV4
163	TVD			TVD
164	V12			V12
165	VBC			VBC
166	VC6			VC6
167	VC7			VC7
168	VCC			VCC
169	VHE			VHE
170	VIF			VIF
171	VMS			VMS
172	VNC			VNC
173	VSA			VSA
174	VSM			VSM
175	VTV			VTV
176	WCS			WCS
177	X20			X20

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TP HCM

STT	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã CK bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ASM			ASM
3	BIC			BIC
4	BID			BID
5	BMC			BMC
6	BMI			BMI
7	BMP			BMP
8	CSM			CSM
9	CTG			CTG
10	CMG			CMG
11	CTD			CTD
12	CTS			CTS
13	DCM			DCM
14	DHA			DHA
15	DHC			DHC
16	DHG			DHG
17	DIG			DIG
18	DPM			DPM
19	DPR			DPR
20	DRC			DRC
21	EIB			EIB
22	FCN	FCN		
23	FPT			FPT
24	FTS			FTS
25	GAS			GAS
26	GEX			GEX
27	GMD			GMD
28	HAH			HAH
29	HCM			HCM
30	HDB			HDB
31	HDG			HDG

32	HPG		HPG
33	IJC		IJC
34	IMP		IMP
35	KBC		KBC
36	KDC		KDC
37	KDH		KDH
38	LIX		LIX
39	MBB		MBB
40	MSN		MSN
41	NBB		NBB
42	NLG		NLG
43	NTL		NTL
44	PAC		PAC
45	PHR		PHR
46	PNJ		PNJ
47	PVT		PVT
48	RAL		RAL
49	REE		REE
50	SAB		SAB
51	SAM		SAM
52	SBT		SBT
53	SCR		SCR
54	SRC		SRC
55	SSI		SSI
56	STB		STB
57	TCB		TCB
58	TIX		TIX
59	TDP		TDP
60	TPB		TPB
61	VCB		VCB
62	VCF		VCF
63	VHC		VHC
64	VHM		VHM
65	VIX		VIX
66	VNM		VNM
67	VPB		VPB
68	VRE		VRE
69	VSC		VSC
70	LPB		LPB
71	VCG		VCG
72	VCI		VCI
73	ACB		ACB
74	AGG		AGG
75	ANV		ANV
76	BFC		BFC
77	BTP		BTP
78	BWE		BWE
79	C32	C32	
80	CCL		CCL
81	CDC		CDC
82	CLC		CLC
83	CSV		CSV
84	CVT		CVT
85	D2D		D2D
86	DBC		DBC
87	DGC		DGC
88	DGW		DGW
89	DPG		DPG
90	DSN		DSN
91	DVP		DVP
92	FIT	FIT	
93	FMC		FMC
94	GDT		GDT
95	GSP		GSP
96	GVR		GVR
97	HAX		HAX
98	HDC		HDC
99	HHS		HHS
100	HTI		HTI
101	HTN		HTN

10
T
A
H
13

102	IDI		IDI
103	KSB		KSB
104	LBM		LBM
105	MWG		MWG
106	NCT		NCT
107	NHA		NHA
108	NNC		NNC
109	NT2		NT2
110	PC1		PC1
111	PDR		PDR
112	PET		PET
113	PGC		PGC
114	PHC		PHC
115	POW		POW
116	PTB	PTB	
117	SFI		SFI
118	SHI		SHI
119	SHP		SHP
120	SMB		SMB
121	STK		STK
122	SVC		SVC
123	SZC		SZC
124	TCH		TCH
125	TCL		TCL
126	TCT		TCT
127	TDM		TDM
128	THG		THG
129	TIP		TIP
130	TLG		TLG
131	TMS		TMS
132	TV2		TV2
133	UIC		UIC
134	VGC		VGC
135	VPI		VPI
136	VSI		VSI
137	CNG		CNG
138	LCG		LCG
139	PJT		PJT
140	C47	C47	
141	KOS		KOS
142	CAV		CAV
143	HAP		HAP
144	PAN		PAN
145	SHB		SHB
146	VND		VND
147	BSI		BSI
148	SSC		SSC
149	ABT		ABT
150	BBC		BBC
151	BCM		BCM
152	BVH		BVH
153	CLL		CLL
154	CRE	CRE	
155	DBD		DBD
156	DBT		DBT
157	DCL		DCL
158	DXG		DXG
159	GEG		GEG
160	ITC		ITC
161	MIG		MIG
162	MSB		MSB
163	MSH		MSH
164	NSC		NSC
165	OCB		OCB
166	OPC		OPC
167	PDN		PDN
168	PGD		PGD
169	PGI		PGI
170	PLX		PLX
171	SBA		SBA

172	SFG		SFG
173	SGN		SGN
174	SJS		SJS
175	SSB		SSB
176	ST8		ST8
177	SVI		SVI
178	SZL		SZL
179	TAC		TAC
180	TBC		TBC
181	TDG		TDG
182	TMP		TMP
183	TRA		TRA
184	TRC		TRC
185	TVT		TVT
186	VIB		VIB
187	VSH		VSH
188	VTO		VTO
189	AAT	AAT	
190	ACC		ACC
191	ACL		ACL
192	ADS		ADS
193	AGR		AGR
194	BCG		BCG
195	BKG		BKG
196	BRC		BRC
197	BTT		BTT
198	CCI		CCI
199	CLW		CLW
200	CMV		CMV
201	CMX		CMX
202	COM		COM
203	CRC		CRC
204	CTF		CTF
205	DAT		DAT
206	DRL		DRL
207	DTA		DTA
208	DTT		DTT
209	ELC		ELC
210	EVE		EVE
211	FCM		FCM
212	GTA		GTA
213	HCD		HCD
214	HHP		HHP
215	HMC		HMC
216	HQC		HQC
217	HRC		HRC
218	HSL		HSL
219	HTL		HTL
220	HTV		HTV
221	HUB		HUB
222	HVH		HVH
223	ICT	ICT	
224	ILB		ILB
225	KMR		KMR
226	KPF	KPF	
227	L10		L10
228	LGC		LGC
229	LM8		LM8
230	LSS		LSS
231	MCP		MCP
232	NAF		NAF
233	NAV		NAV
234	NHH		NHH
235	S4A		S4A
236	SC5		SC5
237	SFC		SFC
238	SHA		SHA
239	STG		STG
240	SVT		SVT
241	TCD		TCD

242	TCO			TCO
243	TEG			TEG
244	TLD	TLD		
245	TLH			TLH
246	TMT			TMT
247	TN1			TN1
248	TNC			TNC
249	TNH			TNH
250	TTA			TTA
251	TVS			TVS
252	VDP			VDP
253	VID			VID
254	VNE	VNE		
255	VNG			VNG
256	VPD			VPD
257	VPG			VPG
258	VRC			VRC
259	VTB			VTB
260	YBM			YBM
261	FIR			FIR

Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty: <https://apsi.vn/tin-tuc-cong-bo-cua-apsi.html>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

NGƯỜI LẬP



Bùi Thủy Tiên

NGƯỜI KIỂM SOÁT



Nguyễn Anh Tuấn



Trần Thiên Hà

